

## DI CƯ LAO ĐỘNG XUYÊN BIÊN GIỚI CỦA NGƯỜI TÀY, NÙNG Ở TỈNH LẠNG SƠN: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA<sup>1</sup>

TS. Tạ Thị Tâm

Viện Dân tộc học

Email: tam110986@gmail.com

**Tóm tắt:** Bài viết làm rõ thực trạng di cư lao động xuyên biên giới của người Tày và người Nùng ở 3 xã giáp biên thuộc huyện Lộc Bình, Cao Lộc và Văn Lãng tỉnh Lạng Sơn. Kết quả cho thấy, điều kiện địa lý, quan hệ đồng tộc và những kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp mang lại cơ hội việc làm cho người Tày và người Nùng tại địa bàn nghiên cứu. Di cư lao động xuyên biên giới có đóng góp quan trọng cho thu nhập của các hộ gia đình, tuy nhiên nhiều thách thức và rủi ro đã xảy ra với những người di cư, nhất là phụ nữ. Sự chuyển dịch từ di cư lao động xuyên biên giới sang di cư nội địa và phát triển một số mô hình sinh kế mới tại địa phương sau đại dịch COVID-19 cho thấy đây là những hướng đi khả thi, nhiều tiềm năng cho vấn đề việc làm và thu nhập của người Tày và người Nùng ở khu vực giáp biên tỉnh Lạng Sơn.

**Từ khóa:** Di cư lao động xuyên biên giới, người Tày, Nùng, Lạng Sơn.

**Abstract:** The article clarifies the current situation of cross-border labour migration of Tay and Nung people in three border communes of Loc Binh, Cao Loc, and Van Lang districts, Lang Son province. The results show that geographical conditions, ethnic relations and experiences in agricultural production bring job opportunities to the Tay and Nung people in the studied area. Cross-border labour migration contributes significantly to household income, but many challenges and risks have arisen for migrants, especially women. The shift of migration flows from cross-border labour migration to internal migration and the development of some new local livelihood models after the COVID-19 pandemic show that these are possible and potential directions and capacity for employment and income for the Tay and Nung people in the border areas of Lang Son Province.

**Keywords:** Cross-border labour migration, Tay people, Nung people, Lang Son.

Ngày nhận bài: 30/6/2022; ngày gửi phản biện: 4/7/2022; ngày duyệt đăng: 7/8/2022.

---

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả của đề tài khoa học cấp Bộ “Di cư lao động sang Trung Quốc của người Tày, Nùng và tác động đến phát triển bền vững vùng biên giới tỉnh Lạng Sơn”, do Viện Dân tộc học chủ trì, ThS. Vũ Đình Mười làm chủ nhiệm năm 2021-2022.

## **Mở đầu**

Di cư là hiện tượng khá phổ biến trong sự phát triển kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong một vài thập kỷ gần đây, làn sóng di chuyển tới các đô thị tìm kiếm việc làm vào thời gian nông nhàn đang trở thành xu hướng phổ biến và là một chiến lược sinh tồn của nhiều hộ nông dân ở khu vực nông thôn. Trong bối cảnh đó, các tộc người thiểu số (TNTS) cũng đã tham gia vào làn sóng di cư nông thôn - đô thị, di cư xuyên biên giới. Từ khi quan hệ Việt Nam - Trung Quốc bình thường trở lại vào năm 1991, di cư của các TNTS ở các tỉnh vùng biên giới Việt Nam sang Trung Quốc lao động có xu hướng gia tăng, với các hình thức đa dạng và mức độ mạnh mẽ hơn.

Những nghiên cứu dưới góc độ Dân tộc học/Nhân học đã chỉ ra rằng, các hình thức và hoạt động di cư xuyên biên giới có vai trò quan trọng trong đời sống của tộc người, được duy trì và tiếp nối từ truyền thống đến ngày nay, chủ yếu là do mối quan hệ đồng tộc và những đặc điểm tương đồng về văn hóa và ngôn ngữ của cư dân ở hai bên biên giới (Lý Hành Sơn, 2014; Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh, 2013). Di cư xuyên biên giới của các TNTS diễn ra dưới nhiều hình thức và trở thành xu hướng phổ biến ở các địa phương vùng biên giới (Vũ Trường Giang, 2018). Một số kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, bên cạnh các nguyên nhân về kinh tế, những tác nhân về văn hóa như ngôn ngữ, giới và quan hệ giới, các chuẩn mực xã hội thì mạng lưới xã hội cũng là động lực quan trọng của di cư xuyên biên giới (Nguyễn Song, 2017; Trương Văn Cường, 2021). Di cư lao động như những chiến lược sinh kế quan trọng trong đời sống các tộc người (Lý Hành Sơn, 2014; Lương Thị Trang, 2017; Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan, 2017; Phan Tân và Trần Thị Thanh Giang, 2019; Nguyễn Văn Chính, 2021).

Một số nghiên cứu về di cư xuyên biên giới của các tộc người đã được thực hiện ở tỉnh Lạng Sơn. Trong số đó, công trình của Donald Hickerson (2013) đã quan tâm đến hoạt động và trải nghiệm của những người di cư xuyên biên giới; vấn đề giới, mạng lưới xã hội và cơ hội cho những người lao động trong lựa chọn việc làm; những nguy cơ tiềm ẩn mà họ phải đối mặt trong công việc và cuộc sống ở vùng biên. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Hoàng Thị Lê Thảo (2021) tập trung tìm hiểu về chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản của lao động nữ người Tày, người Nùng trong quá trình di cư lao động xuyên biên giới; họ phải đối diện với nhiều vấn đề về sức khỏe và có nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản trong hành trình di cư. Đồng thời, lao động di cư gặp phải những khó khăn xuất phát từ điều kiện lao động cũng như rào cản trong phong tục, tập quán, tâm lý, vị thế pháp lý và cả những áp lực từ phía người môi giới và chủ sử dụng lao động ở Trung Quốc.

Nghiên cứu này được thực hiện tại khu vực biên giới thuộc tỉnh Lạng Sơn. Một số đặc trưng tộc người như ngôn ngữ, quan hệ đồng tộc, tri thức tộc người trong sản xuất nông nghiệp và vị trí địa lý được phân tích trong mối liên hệ với di cư lao động xuyên biên giới của người Tày, người Nùng. Đồng thời, nghiên cứu cũng phân tích những cơ hội và thách thức đối với

việc chuyển đổi sinh kế của TNTS trong điều kiện kinh tế - xã hội có nhiều thay đổi kể từ sau khi đại dịch COVID-19 xuất hiện làm hạn chế dòng di cư lao động xuyên biên giới.

Bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu tại thực địa của đề tài vào tháng 11/2021 tại xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc; tháng 4/2022 tại xã Thanh Long, huyện Văn Lãng. Tại thời điểm này, các hoạt động di cư ở vùng biên giới được kiểm soát chặt chẽ do dịch COVID-19 bùng phát. Để có thêm thông tin so sánh, bài viết còn sử dụng nguồn tư liệu điền dã của tác giả vào tháng 12/2018 tại xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình. Đây là thời điểm các hình thức và hoạt động di cư lao động xuyên biên giới diễn ra rất sôi động. Hai tộc người chính được tìm hiểu là người Tày và người Nùng. Tại mỗi xã, nghiên cứu tập trung vào 2 thôn, trong đó có 1 thôn giáp biên giới và 1 thôn không nằm sát đường biên nhằm xem xét sự khác biệt về cơ hội và sự lựa chọn công việc làm thuê của người Tày, Nùng ở những khu vực này (thôn Chi Ma và Cốc Nhãn xã Yên Khoái; thôn Pò Nhùng và Cồn Kéo xã Bảo Lâm; thôn Bản Cẩu và Đon Chang xã Thanh Long). Phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu là phỏng vấn sâu (45 cuộc), thảo luận nhóm (6 cuộc) và quan sát tại 3 điểm nghiên cứu. Đối tượng tham gia vào nghiên cứu là phụ nữ và nam giới người Tày, người Nùng đã từng sang Trung Quốc lao động. Qua đó, nghiên cứu này làm rõ sự khác biệt về khoảng cách địa lý, đặc điểm giới tính và độ tuổi thông qua các cơ hội và sự lựa chọn việc làm của người Tày, người Nùng ở khu vực biên giới tỉnh Lạng Sơn.

### 1. Giới thiệu về địa bàn nghiên cứu

Lạng Sơn là tỉnh miền núi biên giới Việt Nam - Trung Quốc, nằm ở phía Đông Bắc của Việt Nam, cách thủ đô Hà Nội 154 km đường bộ và 165 km đường sắt. Phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng, phía Đông Bắc giáp thị xã Bằng Tường (thuộc thành phố cấp địa khu Sùng Tả của khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc); phía Đông Nam giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Nam giáp tỉnh Bắc Giang, phía Tây Nam giáp tỉnh Thái Nguyên, phía Tây giáp tỉnh Bắc Kạn. Lạng Sơn là địa bàn và thị trường trung chuyển hàng hóa lớn của cả nước. Hiện nay, Lạng Sơn có 1 thành phố và 10 huyện<sup>2</sup>. Dân số của tỉnh tính đến thời điểm tháng 6/2022 là 781.655 người, trong đó: dân tộc Nùng 335.316 người (42,97%), Tày 282.014 người (35,92%), Kinh (16,5%), các tộc người khác 4,61% (UBND tỉnh Lạng Sơn, 2022).

Yên Khoái là xã biên giới của huyện Lộc Bình với 3,7 km đường biên giới tiếp giáp thị trấn Ái Điểm, huyện Ninh Minh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc về phía Đông Bắc. Xã có cửa khẩu Chi Ma thuộc thôn Chi Ma, thông thương sang cửa khẩu Ái Điểm tại cột mốc số 1223, cách thị trấn Lộc Bình 13 km. Diện tích đất tự nhiên của Yên Khoái là 2.626,44ha, chủ yếu là đất đồi núi thấp. Dân số xã tính đến thời điểm tháng 4/2022 là 3.561 người, trong đó 94,37% là dân tộc Tày và Nùng (dân tộc Tày 2.016 người, dân tộc Nùng 1.304 người). Mật độ dân số 135 người/km<sup>2</sup>. Người Tày và người Nùng cư trú ở xã Yên Khoái được 6 đời. Người Tày rất giỏi

<sup>2</sup> Gồm thành phố Lạng Sơn và 10 huyện: Bắc Sơn, Bình Gia, Cao Lộc, Chi Lăng, Đình Lập, Hữu Lũng, Lộc Bình, Trảng Định, Văn Lãng, Văn Quan.

làm nông nghiệp ruộng nước, nhất là khâu dẫn nước vào ruộng. Trước đây, sinh kế chính của người dân trong xã là canh tác ruộng nước kết hợp với một số loại hoa màu ngắn ngày, trồng rừng và khai thác lâm thổ sản. Từ năm 2008, cửa khẩu quốc tế Chi Ma chính thức đi vào hoạt động đã thu hút lượng lớn cư dân trong xã đi lao động làm thuê và tham gia vào các hoạt động dịch vụ ở hai bên biên giới.

Bảo Lâm là xã biên giới thuộc huyện Cao Lộc, có tuyến đường tỉnh 746 về phía Tây Nam nối tới Quốc lộ 1 và phía Đông Bắc tới cửa khẩu Pò Nhùng thông thương sang cửa khẩu Dầu Aï, thuộc trấn Thượng Thạch, thị xã Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Diện tích của xã Bảo Lâm là 4.058,63 ha, trong đó: đất nông nghiệp 433,19 ha, đất lâm nghiệp 3.415,92 ha, đất nuôi trồng thủy sản 42,63 ha, đất chuyên dùng 89,58 ha, đất ở 14 ha. Dân số của xã tính đến thời điểm tháng 11/2021 là 3.199 người, trong đó 93,45% dân số là người Tày và người Nùng (Tày 1.155 người, Nùng 1.963 người). Mật độ dân số là 76 người/km<sup>2</sup>. Hoạt động kinh tế chính của cư dân trong xã là canh tác nông nghiệp, kết hợp với lao động làm thuê vào thời điểm nông nhàn tại cửa khẩu ở phía Việt Nam hoặc sang Trung Quốc. Người Tày, người Nùng sinh sống trong 9 thôn/bản, trong đó thôn Pò Nhùng là thôn giáp với cửa khẩu Dầu Aï, Trung Quốc. Ngoài sản xuất nông nghiệp tại địa phương, người Tày thường sang Trung Quốc làm thuê tại các trang trại trồng mía, chuối. Người Nùng có nhiều kinh nghiệm trong thu hoạch và bảo quản các sản phẩm nông nghiệp nên các chủ trang trại ở Trung Quốc thường thuê người Nùng gặt, phơi và đóng bao thóc sau khi thu hoạch. Năm 2014, cửa khẩu Pò Nhùng chính thức đi vào hoạt động với các hoạt động thương mại và vận chuyển hàng hóa rất nhộn nhịp, đã thu hút các tộc người trong xã tham gia bốc dỡ, vận chuyển hàng hóa tại đây.

Thanh Long là xã giáp biên của huyện Văn Lãng, cách trung tâm huyện 12 km. Xã có đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc dài 9,3 km. Tổng diện tích tự nhiên là 3.883,83 ha, trong đó: đất sản xuất nông nghiệp 761,31ha, đất lâm nghiệp 2,913,08ha, đất nuôi trồng thủy sản 17,19 ha, đất chuyên dùng 59,68ha và đất ở 29,41ha. Dân số của xã tính đến thời điểm tháng 4/2022 là 3.226 người, trong đó: dân tộc Tày 1.177 người, Nùng 1.560 người, các tộc người khác 489 người. Trên địa bàn xã có 319 hộ Tày và 400 hộ Nùng cư trú trong 12 thôn bản, trong đó có 4 thôn giáp Bản Giàng và Bản Triu (Bằng Tường, Trung Quốc) là Bản Cẩu, Pá Trí, Cồn Bó, Pác Cú. Ngoài làm nông nghiệp, vào thời điểm nông nhàn, hai tộc người này còn làm thuê ở khu vực giáp biên và vào sâu trong nội địa Trung Quốc làm công nhân cho các nhà máy, công xưởng,... Tính đến thời điểm tháng 1/2022, xã Thanh Long vẫn còn 10 lao động đang làm việc tại nước ngoài, trong đó có 6 trường hợp đang làm việc tại các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông của Trung Quốc (UBND huyện Văn Lãng, 2022).

Nhìn chung, cả ba điểm nghiên cứu trên có điểm tương đồng là đều gần đường biên giới với Trung Quốc. Hai xã Yên Khoái và Bảo Lâm có cửa khẩu quốc tế và quốc gia, với nhiều hoạt động thương mại và dịch vụ, thu hút lượng lớn lao động. Tuy xã Thanh Long

không có cửa khẩu nhưng các tộc người trong xã phát huy những lợi thế về vị trí rất gần với các bản làng ở Trung Quốc, quan hệ đồng tộc và tương đồng về ngôn ngữ trong việc tìm kiếm cơ hội việc làm ngay tại khu vực giáp biên. Người Tày, người Nùng ở các điểm nghiên cứu đều sử dụng tiếng Choang rất thành thạo, đây là ngôn ngữ sử dụng phổ biến ở vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc. Ngoài ra, mối quan hệ đồng tộc cũng tạo cơ hội tìm kiếm việc làm ở Trung Quốc của người Tày, người Nùng trở nên thuận lợi hơn so với người Kinh và các tộc người khác ở trong vùng.

## **2. Di cư lao động xuyên biên giới của người Tày và người Nùng ở tỉnh Lạng Sơn**

### **2.1. Lao động trong nông nghiệp ở Trung Quốc**

Với người Tày, người Nùng, hoạt động kinh tế chính là sản xuất nông nghiệp, trong đó trồng lúa nước là chủ yếu. Ở các địa bàn vùng thấp, diện tích ruộng nước tương đối lớn, canh tác được hai vụ, đã từng bước đảm bảo an ninh lương thực cho cư dân trong vùng. Còn ở những địa phương giáp biên giới Trung Quốc phần lớn là đồi núi thấp, diện tích ruộng nước ít, thiếu nước trong quá trình sản xuất, chỉ canh tác một vụ, vì thế lương thực không đảm bảo, các hộ vẫn bị thiếu đói lúc giáp hạt. Phần lớn người Tày, Nùng tại 3 xã biên giới chỉ canh tác nông nghiệp một vụ, kết hợp với trồng cây lương thực và hoa màu trên những khu đất bằng phẳng, gần nguồn nước. Kết thúc mùa vụ, người Tày, Nùng ở các thôn bản giáp biên như Bản Cẩu, Đon Chang (xã Thanh Long), thôn Pò Nhùng, Còn Kéo (xã Bảo Lâm), thôn Cốc Nhân, Chi Ma (xã Yên Khoái) đi sang các bản giáp biên bên Trung Quốc làm các công việc nông nghiệp như cấy, gặt, bón phân cho lúa, trồng và thu hoạch mía, làm rừng, thu hoạch hoa quả,... Người Tày, Nùng đi làm các công việc trong nông nghiệp phổ biến ở độ tuổi từ 30-55 tuổi. Các chủ sử dụng lao động ở Trung Quốc thường lựa chọn những người trong độ tuổi này, vì đây là giai đoạn mà họ có đủ sức khỏe và tích lũy được nhiều kinh nghiệm làm việc nhất. Với những đặc thù trong công việc, các chủ sử dụng lao động thường có sự lựa chọn về giới tính trong phân chia công việc như nam giới làm những công việc nặng nhọc, chẳng hạn khâu vác, chặt, xẻ gỗ; còn nữ giới thích hợp với việc cấy, gặt, chăm sóc cây trồng,... Bởi vì, mỗi công đoạn trong sản xuất nông nghiệp đòi hỏi sự phù hợp về kinh nghiệm, sức khỏe và kỹ năng riêng. Các chủ sử dụng lao động ở Trung Quốc thường thuê lao động người Tày, Nùng bởi họ có những điểm tương đồng trong văn hóa, ngôn ngữ và có quan hệ đồng tộc từ trước. Đây là những đặc điểm thuận lợi của người Tày, Nùng so với người Kinh và một số tộc người khác khi đi làm ở Trung Quốc. Ngoài ra, các chủ Trung Quốc lựa chọn lao động Tày, Nùng còn vì lý do đây là nguồn lao động giá rẻ. Tiền công trả cho lao động từ Việt Nam sang rẻ bằng một nửa so với thuê người lao động tại Trung Quốc. Thay vào đó, lực lượng lao động tại chỗ ở vùng biên Trung Quốc thường đi sâu vào nội địa và các thành phố lớn để làm việc, với mức lương cao và công việc ổn định hơn so với làm việc trong nông nghiệp ở địa phương. Mặc dù vậy, mức lương của lao động Việt Nam ở khu vực nào cũng luôn thấp hơn lao động người địa phương. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn

Văn Chính (2021) chỉ ra rằng người lao động Trung Quốc làm những công việc có kỹ thuật, được đào tạo nghề ở khu công nghiệp có thu nhập cao hơn 2-3 lần so với lao động Việt Nam.

Do có sự chênh lệch về thời vụ, những cánh đồng lúa nước ở các bản làng giáp biên giới bên Trung Quốc như Bản Giàng, Bản Triu, Bản Quân và các địa phương thuộc Bằng Tường thường lấy nước vào ruộng muộn hơn so với các xã biên giới của huyện Lộc Bình, Văn Lãng, Cao Lộc. Vì thế, thời gian cấy và gặt ở Trung Quốc thường muộn hơn so với ở Việt Nam. Sau khi kết thúc công việc mùa vụ, vào thời gian nông nhàn, người Tày, Nùng ở các thôn giáp biên thường sang cấy, gặt thuê tại các cánh đồng bên Trung Quốc. Hầu hết, những người di cư sang các thôn giáp biên Trung Quốc thường đi bộ, vượt qua cột mốc hoặc đường mòn, lối mở dọc biên giới là đến địa điểm làm thuê. Đến vụ cấy, người Tày ở các thôn Đon Chang, Bản Cẩu đi bộ khoảng 30 phút là sang đến Bản Giàng, Trung Quốc để cấy thuê cho các chủ trang trại. Buổi sáng, sau khi cơm nước và thu xếp công việc ở nhà, họ bắt đầu đi sang Trung Quốc làm thuê và trở về nhà vào lúc chiều tối. Tùy từng trường hợp cụ thể, một số người lao động ở lại bên Trung Quốc đến khi kết thúc mùa vụ mới trở về hoặc họ đi về trong ngày. Để đảm bảo công việc cho kịp thời vụ, người Tày thường tranh thủ thời gian ăn trưa ngay tại cánh đồng. Họ mang cơm đi hoặc chủ nhà chuẩn bị. Với đặc tính chịu khó, nhanh nhẹn, cấy nhanh và thẳng hàng nên người Tày hai thôn Đon Chang và Bản Cẩu được các chủ Trung Quốc rất ưa thích và lựa chọn vào mỗi mùa vụ. Còn người Nùng ở thôn Đon Chang, Bản Cẩu được chủ Trung Quốc thuê ở công đoạn bón phân, dẫn nước vào ruộng. Đặc biệt, người Nùng ở Bản Cẩu có rất nhiều kinh nghiệm trong khâu thu hoạch lúa nên họ được chủ Trung Quốc thuê gặt và phơi khô thóc sau khi thu hoạch. Trong khi đó, người Kinh rất khó tìm việc làm thuê trong nông nghiệp ở Trung Quốc do sự bất đồng về ngôn ngữ và họ ít kinh nghiệm trong trồng trọt trên đất dốc. Như vậy, các mối quan hệ đồng tộc, ngôn ngữ, kinh nghiệm sản xuất và khoảng cách địa lý là lợi thế của người Tày, Nùng ở các thôn bản giáp biên trong tìm kiếm cơ hội việc làm so với người Kinh và các tộc người khác trong vùng. Điều này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu về hoạt động di cư xuyên biên giới của các tộc người ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc của Donald Hickerson (2013).

Người Tày, Nùng từ thôn Chi Ma, Cốc Nhãn (xã Yên Khoái) đi bộ khoảng 15 phút qua đồi Pòn Háng là đến cánh đồng của thị trấn Ái Điểm thuộc địa phận Trung Quốc. Do đặc điểm địa lý xã Yên Khoái và thị trấn Ái Điểm tương đồng nhau nên người Tày quen với môi trường canh tác và làm thủy lợi tại khu vực khe, suối. Với những tri thức và kinh nghiệm của người Tày trong việc tưới tiêu nước phù hợp với quá trình sinh trưởng của cây lúa, ở những nơi họ phụ trách thủy lợi, năng suất lúa thường cao gấp 2-3 lần so với những nơi mà người Trung Quốc tự dẫn nước hoặc thuê người từ nơi khác đến làm. Vì thế, các chủ Trung Quốc rất tin tưởng khi lựa chọn người Tày ở xã Yên Khoái làm những công việc này.

Từ thôn Pò Nhùng, xã Bảo Lâm đi bộ khoảng 10 phút là đến các thôn ở trấn Dầu Ái (Trung Quốc). Với ưu thế về vị trí địa lý, việc di lại của những lao động Tày, Nùng ở Việt

Nam sang làm thuê tại các cánh đồng bên Trung Quốc rất thuận lợi. Họ thông thuộc đường xá, sử dụng tiếng Choang trong giao tiếp với đồng tộc ở Trung Quốc. Hơn nữa, họ là cư dân đã có truyền thống trồng lúa nước với sự đa dạng về giống lúa và địa hình. Tại các cánh đồng lúa ở Dầu Aí, người Nùng xã Bảo Lâm thường được thuê xử lý và bón phân cho lúa trong quá trình sinh trưởng và phát triển, vì họ có rất nhiều kinh nghiệm trong ủ phân chuồng và lựa chọn thời điểm bón phân cho lúa. Đến thời điểm thu hoạch tại các cánh đồng bên Trung Quốc, lao động người Tày, Nùng ăn sáng ở nhà và mang cơm trưa ăn tại cánh đồng để tiết kiệm thời gian và tranh thủ làm việc. Một số trường hợp được chủ nhà nuôi cơm buổi trưa. Do quãng đường từ nhà đến nơi làm việc rất gần nên người lao động thường đi về trong ngày. Tuy nhiên, công việc này chỉ diễn ra theo hình thức tạm thời, trong khoảng thời gian ngắn ngày và khẩn trương để kịp thời vụ. Thời gian làm việc cho mỗi vụ khoảng 2 tuần, đó là thời điểm cấy hoặc thu hoạch lúa. Nhân công được trả theo ngày, thời gian làm việc từ 8-9 giờ/ngày, thu nhập năm 2008 từ 50-60 Nhân dân tệ/ngày (khoảng 100.000-120.000 đồng)<sup>3</sup>; 80-120 Nhân dân tệ/ngày (khoảng 260.000-390.000 đồng) từ năm 2013 đến 2020.

Hoạt động đi làm thuê trong nông nghiệp của người Tày, Nùng ở các khu vực giáp biên giới Trung Quốc diễn ra khá nhộn nhịp. Những người lao động Tày, Nùng sang Trung Quốc theo hình thức tự do, qua các đường mòn, lối mở hoặc đường tiểu ngạch. Những lao động này sang Trung Quốc làm các công việc thời vụ, theo chu kỳ của hoạt động sản xuất nông nghiệp, từ vụ trước đến vụ sau, từ năm này sang năm khác. Kết thúc thời vụ, họ vẫn được các chủ sử dụng lao động giữ liên hệ để đến mùa sau lại đến làm. Hầu hết những người lao động Tày, Nùng đều có quan hệ đồng tộc và thân tộc, tương đồng ngôn ngữ trong giao tiếp với các chủ sử dụng lao động bên Trung Quốc nên họ có nhiều cơ hội việc làm. Hơn nữa, với người lao động Tày, Nùng, đây là công việc quen thuộc, đơn giản, có nhiều kinh nghiệm, lại có thu nhập cao gấp 2 lần so với làm việc tại địa phương.

Từ năm 1999, người Tày, Nùng ở rải rác các thôn bản giáp biên giới bắt đầu sang Trung Quốc trồng mía thuê cho các chủ trang trại. Người Tày ở xã Bảo Lâm thường được các chủ trang trại trồng mía, chuỗi thuê ở công đoạn bón phân và chăm sóc cây trồng. Còn người Nùng ở xã Thanh Long lại được thuê làm ở giai đoạn bỏ hố, xẻ rãnh tại các trang trại trồng mía. Trong thời gian làm việc tại Trung Quốc, người Nùng xã Thanh Long còn thực hiện việc dùng phân hun (Phân bón từ lá cây, cỏ đốt thành than và trộn với đất mùn) và phân chuồng để bón thúc cho mía, chuỗi vào các giai đoạn sinh trưởng khác nhau. Ngoài ra, các chủ trang trại ở Trung Quốc rất chú trọng tới việc áp dụng kinh nghiệm trong sản xuất của người Nùng ở xã Thanh Long. Ở hầu hết các trang trại trồng mía, chuỗi ở Trung Quốc, người Tày ở xã Bảo Lâm và người Nùng ở xã Thanh Long đều được thuê để thực hiện công đoạn bón phân và chăm sóc cây trồng. Những lao động này được trả lương cao hơn so với lao động ở các công đoạn khác, từ 80-90 Nhân dân tệ/ngày (khoảng 160.000-180.000 đồng)

<sup>3</sup> Tỷ giá đồng Nhân dân tệ quy đổi ra Việt Nam đồng tương ứng ở từng thời điểm cụ thể.

năm 2000. “Người Nùng mình vẫn bón phân theo cách riêng, đất hun pha trộn với phân lân để bón cho mía, chuối khi mới trồng. Chuối đến thời kỳ trở bông lại bón thêm phân chuồng ủ mục. Các trang trại trồng chuối được bón thúc đúng thời kỳ sẽ cho năng suất rất cao” (Phòng văn ông Hoàng Văn P., thôn Bản Cẩu, 48 tuổi).

Năm 2004 là thời điểm làn sóng di cư sang Trung Quốc chặt mía thuê phát triển. Đầu tiên các nhóm phụ nữ người Tày, Nùng ở Bản Cẩu và thôn Chi Ma ở độ tuổi 40-55 sang trồng và thu hoạch mía thuê cho các chủ vườn ở Bằng Tường. Tiền công được trả từ 30-35 Nhân dân tệ/ngày (khoảng 60.000-70.000 đồng). Với công việc trồng mía vào tháng 3-4 hàng năm, người lao động chỉ rải phân bón lót và đặt các hom mía xuống rãnh, còn lại các công việc khác đã được máy móc thực hiện. Các chủ trang trại trả công theo ngày từ 30-50 Nhân dân tệ/ngày (khoảng 60.000-100.000 đồng), tăng dần đến 100-120 Nhân dân tệ/ngày năm 2013 (khoảng 325.000-390.000 đồng); 130-150 Nhân dân tệ/ngày năm 2018 (khoảng 435.000-500.000 đồng). Nam giới có sức khỏe tốt thường được chọn làm công việc bốc vác mía từ cánh đồng lên xe tải để vận chuyển đến các nhà máy đường ở Bằng Tường. Tiền công được trả từ 2-3 Nhân dân tệ/1 vác (1 vác gồm 12 cây mía), một nam lao động Tày, Nùng có thể chuyển từ 120-150 vác/ngày. Thời điểm thu hoạch mía bắt đầu từ tháng Mười đến tháng Ba năm sau, đây là thời điểm cần rất nhiều lao động, đặc biệt là lao động khỏe mạnh và nhanh nhẹn. Công việc tuy rất vất vả, nặng nhọc, song được trả lương cao theo hình thức khoán gọn hoặc khoán theo ngày. Vì vậy, một lượng lớn lao động người Tày, Nùng ở các xã Thanh Long, Yên Khoái, Bảo Lâm và một số xã biên giới di cư đến đây làm thuê cho các chủ trang trại mía. Các lao động Tày, Nùng thường đi theo nhóm từ 7-9 người. Họ là những người họ hàng hoặc láng giềng, bạn bè nên dễ dàng hỗ trợ, bảo vệ nhau khi gặp rủi ro. Người lao động thường làm việc theo đợt và phụ thuộc vào khối lượng công việc, thông thường từ 10-15 ngày/đợt. Thời gian làm việc ở các trang trại họ được chủ nhà lo ăn ở. Vào cuối đợt, một số chủ nhà thường thêm cho mỗi lao động từ 10-20 Nhân dân tệ/đợt.

Ngoài công việc chặt mía, phụ nữ ở xã Bảo Lâm còn sang Trung Quốc làm các công việc như trồng và thu hoạch sắn, cuốc đất trồng mía. Họ thường đi theo nhóm, bằng phương tiện tàu hỏa từ Bằng Tường đến Thượng Thạch, Hà Thạch (Trung Quốc). Từ xã Bảo Lâm đến điểm làm việc khoảng 100 km. Mức lương được trả từ 120-150 Nhân dân tệ/ngày (khoảng 380.000-480.000 đồng) trước năm 2017. Như vậy, công việc trồng và thu hoạch mía diễn ra trong thời gian khoảng 5-6 tháng/năm. Đây là khoảng thời gian dài và liên tục đối với lao động người Tày, Nùng. Sau khi kết thúc công việc trong nông nghiệp ở cả hai bên biên giới, người lao động có một quãng thời gian ngắn nghỉ ngơi và phục hồi sức khỏe để tiếp tục tham gia vào các hoạt động lao động. Tuy nhiên, một số rủi ro mà người lao động thường gặp như bị chủ nhà nợ tiền hoặc quyt tiền công, mất tiền, nhiều người còn bị phạt, bắt giam, công an thu toàn bộ tiền công,... Song, những lao động Tày, Nùng ở các thôn bản giáp biên ít gặp rủi ro hơn so với những người làm việc trong nội vùng và người Kinh do họ có quan hệ đồng tộc, thân tộc ở nơi di cư đến. Những người trong mạng lưới xã hội giúp cung cấp thông tin cho họ mỗi khi có

đợt truy quét di cư bất hợp pháp của các lực lượng chức năng. Một số lao động người Tày, Nùng có con rể là cán bộ ở các đội truy quét người lao động trái phép ở vùng biên, đôi khi họ có thể xin tha hoặc bảo lãnh khi người nhà bị lực lượng chức năng bắt giữ.

Công việc trồng, chăm sóc và thu hoạch rừng đã thu hút lượng lớn lao động và mang lại nguồn thu nhập quan trọng với lao động người Tày, Nùng ở các địa phương vùng biên giới. Công việc này có sự phân công giữa lao động nam và nữ, trong độ tuổi từ 40-50. Người Tày, Nùng thường sang Trung Quốc làm các công việc phát rừng, làm cỏ, bón phân thuê cho các chủ rừng. Các công đoạn như trồng và thu hoạch rừng khoảng 4-5 năm mới thực hiện một lần. Từ năm 2004 đến 2020, người Tày, Nùng ở xã Thanh Long, Yên Khoái và một số xã lân cận trong vùng thường qua đồi Kéo Trỏ, thuộc khu vực cột mốc số 64, 70, 72 để làm thuê các công việc như trồng, phát cỏ, bón phân, thu hoạch rừng,... Ở công đoạn khai thác, chủ rừng thường thuê nam giới trong độ tuổi 35-55, vì họ có sức khỏe và quen làm việc với các loại máy móc như máy cưa, máy cắt gỗ,... Chủ rừng có sự lựa chọn giới tính để phù hợp với các công việc trong từng giai đoạn cụ thể. Phụ nữ thường được lựa chọn để trồng và phát cỏ rừng, bởi đây là công việc nhẹ nhàng, cần sự chăm chỉ, cần mẫn. Người Tày ở thôn Chi Ma và Cốc Nhân sang trồng và làm cỏ rừng ở khu vực đồi Ái Diễm, cách nơi ở khoảng 3 km. Những người Tày, Nùng ở Bản Cẩu, Đon Chang đến làm thuê ở Bản Giàng, Bàng Tường, cách khu đồi rừng Kéo Trỏ khoảng 1-2 km. Họ thường đi bộ từ rất sớm, mang theo cơm và ăn trưa ngay tại rừng. Một chủ rừng người Trung Quốc nhận xét: *“Những phụ nữ người Tày, Nùng rất chịu khó, họ đi làm rất sớm, chăm chỉ làm việc, lại quen việc nên khi có việc, chỉ cần báo tin là họ gọi người sang làm cho mình. Mức lương mà chủ Trung Quốc phải trả cho họ chỉ bằng 2/3 so với lương trả cho lao động người Trung Quốc, tiền công thuê lao động nữ chỉ từ 140-160 Nhân dân tệ/ngày; nam giới từ 180-200 Nhân dân tệ/ngày”* (Tráng Seo Ph., chủ rừng người Trung Quốc ở huyện Ninh Minh, Quảng Tây, Trung Quốc, phỏng vấn vào tháng 12/2018 tại huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn). Kết quả nghiên cứu cho thấy, người Tày, Nùng ở xã Yên Khoái và xã Thanh Long tham gia vào các công việc trồng, chăm sóc và thu hoạch rừng nhiều hơn so với cư dân ở xã Bảo Lâm - nơi giáp với khu vực núi đá vôi ở Trung Quốc.

Sau khi thu hoạch, các chủ rừng thường thuê lao động nam có kinh nghiệm xẻ gỗ, bóc vác vận chuyển gỗ tới các xưởng chế biến. Các công việc do nam giới đảm trách thường được trả lương cao hơn và họ ít bị chủ “bắt nạt” hơn so với nữ giới. Theo lời kể của một phụ nữ người Tày ở Bản Cẩu, năm 2017, ông Pài - một chủ rừng người Trung Quốc ở khu Kéo Trỏ thuê 15 lao động nữ ở bản đi trồng và phát cỏ rừng, đến năm 2019 chưa trả hết tiền, nhưng ông ta thuê 5 lao động nam giới xẻ gỗ và vận chuyển gỗ tới xưởng sản xuất thì thanh toán tiền công ngay khi kết thúc công việc.

## **2.2. Lao động trong các công xưởng tư nhân**

Nếu như những người Tày, Nùng sang Trung Quốc lao động làm nông nghiệp thường đi theo nhóm hàng chục người và lựa chọn công việc ở giáp biên giới, thì những người đi lao

động tại các công xưởng, nhà máy lại đi cá nhân hoặc nhóm nhỏ. Lao động làm các công việc này thường ở độ tuổi từ 25-45, có trình độ học vấn từ Trung học cơ sở trở lên, chưa qua đào tạo chuyên môn. Để tìm việc làm ở các khu vực nội địa Trung Quốc, người lao động thường phải qua môi giới để làm thủ tục lao động theo đường chính ngạch - xuất khẩu lao động. Mức phí phải trả cho môi giới để lo các thủ tục sang lao động tại các nhà máy, công xưởng ở Trung Quốc khoảng 30 triệu đồng/người. Ở địa bàn nghiên cứu, chỉ có 3-4 trường hợp lao động sang Trung Quốc đi theo đường môi giới. Đa số các trường hợp lao động này được người thân quen hoặc họ hàng giới thiệu, bảo lãnh. Những mối quan hệ như vậy đã giúp giảm chi phí khá lớn cho tìm kiếm việc làm đối với người di cư lao động. Những địa điểm phổ biến mà người Tày, Nùng đến làm việc là các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, Bắc Kinh. Những lao động này thường đi cả năm, thậm chí vài năm mới trở về nhà. Tiền lương tích cả năm hoặc 3-5 tháng mới gửi về nhà một lần. Số tiền đó được tiết kiệm để xây nhà, mua đất, sắm sửa đồ đạc đắt tiền, cho con cái ăn học. Trong khi đó, những lao động làm việc ở ngay sát biên giới thường dùng tiền công để chi tiêu những công việc hàng ngày cho gia đình. Một số lao động Tày, Nùng cho rằng: *“Nếu không đi Trung Quốc làm thì kinh tế còn khó khăn hơn. Một số gia đình thóc không đủ ăn, chỉ có 2 sào ruộng, không có việc làm thêm. Một số hộ vợ đi làm thuê bên Trung Quốc, chồng ở nhà phát rừng, trồng thêm rừng hời, rừng sở nhưng thu nhập không cao”* (Phỏng vấn chị Hoàng Thị L., Bản Cẩu, xã Thanh Long, tháng 4/2022).

Theo số liệu thống kê của UBND huyện Văn Lãng, năm 2018 tổng số lượt người lao động sang Trung Quốc làm việc là 648.923 lượt người, trong đó tổng số lượt người lao động của huyện là 339.088 lượt người. Năm 2018, ở xã Thanh Long có 40 trường hợp lao động làm việc ở tỉnh Quảng Đông do được một số người đồng tộc giới thiệu, bảo lãnh cho làm việc tại đây. Mức lương được trả từ 1.700-2.000 Nhân dân tệ/tháng (khoảng 5.500.000-6.500.000 đồng). Nhóm người này thường làm việc theo thời gian dài từ 1-2 năm mới trở về Việt Nam. Ở xã Bảo Lâm, trước năm 2020 có 240 cư dân đi làm tại các xưởng tư nhân ở Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc). Nhóm người này tập trung ở nhóm tuổi từ 25-35 tuổi. Riêng thôn Pò Nhùng, năm 2018 có 17 trường hợp đi làm ở xưởng dệt may tỉnh Quảng Đông. Những trường hợp làm tốt, có kinh nghiệm và tay nghề được chủ doanh nghiệp giữ lại làm lâu dài, tăng lương và có thêm nhiều đãi ngộ như tặng quà dịp lễ tết, sắp xếp ở khu nhà có chất lượng tốt,... Ở thôn Pò Nhùng có 1 trường hợp nam giới đi làm việc tại công ty điện tử ở tỉnh Phúc Kiến từ năm 2007 đến năm 2022. Do quen với việc làm và được công ty giữ lại làm việc nên người lao động đã yên tâm ở lại làm việc trong thời gian 15 năm mới trở về địa phương. Năm 2018, tại các công ty, doanh nghiệp ở Trung Quốc, công nhân chỉ làm 8 tiếng/ngày, lương cơ bản từ 90 Nhân dân tệ/ngày, thời gian tăng ca 3 giờ/ngày được trả thêm 60 Nhân dân tệ; tổng cộng 1 ngày làm việc 12 tiếng lương được trả 150 Nhân dân tệ/ngày (khoảng 490.000 đồng). Mức tiền công được trả như trên cao hơn nhiều so với các công việc

nông nghiệp. Những người lao động tại các công ty điện tử, doanh nghiệp ở trong nội địa Trung Quốc thường làm lâu dài, tích lũy tiền lương cả năm mới gửi về nhà một lần, với khoản tiền lớn từ 150-180 triệu đồng/năm. Năm 2018, tại ba điểm nghiên cứu, người Tày ở xã Bảo Lâm có số lượng người di cư lao động ở tỉnh Phúc Kiến nhiều nhất, có 35 trường hợp. Hầu hết họ làm việc ở các công xưởng may và chế tác đồ phong thủy. Còn ở xã Yên Khoái và xã Thanh Long, người lao động chủ yếu làm các công việc ở khu vực cửa khẩu và giáp biên.

Công việc ở các phân xưởng, nhà máy cũng có sự phân biệt về giới tính rõ rệt. Nam giới thường làm việc tại các cơ sở mộc, đồ gỗ, xây dựng, với mức lương từ 5.000 - 6.000 Nhân dân tệ/tháng năm 2018 (khoảng 16.200.000-19.500.000 đồng). Nữ giới thường làm việc tại các xưởng may, cơ sở phân loại cau, với mức lương từ 3.000-3.500 Nhân dân tệ/tháng năm 2018 (khoảng 9.750.000-11.400.000 đồng). Mức tiền công do chủ xưởng tự đưa ra mà không có sự thỏa thuận, trao đổi giữa hai bên. Phần lớn những lao động di cư tự do không có đủ thủ tục giấy tờ, là lao động nhập cư trái phép nên họ không có quyền thỏa thuận hay thương lượng về mức lương và ít có sự lựa chọn công việc so với lao động ở khu vực giáp biên. Ở thôn Pò Nhùng (xã Bảo Lâm), tháng 12/2019 có 7 người đi làm bên Trung Quốc, trong đó có 2 nam giới đi làm tại xưởng mộc ở Quảng Đông, 5 nữ giới làm công nhân dệt may ở tỉnh Phúc Kiến. Số lao động trên thường đi làm dài ngày, thậm chí có 1 trường hợp đi 3 năm mới trở về địa phương (Phỏng vấn ông Lương Văn D., 54 tuổi, cán bộ thôn Pò Nhùng, tháng 11/2021).

### **2.3. Bốc vác, vận chuyển hàng hóa**

Công việc bốc vác, vận chuyển hàng hóa tại các bãi tập kết hàng ở phía Trung Quốc, đặc biệt là khu công nghiệp Nà San thuộc Bằng Tường, khu Ái Dầu thuộc Ninh Minh, Trung Quốc chủ yếu thu hút lao động nam giới người Tày, Nùng. Công việc chủ yếu là vận chuyển các kiện hàng mỹ nghệ như bàn, ghế, sập gụ, hay hàng hoa quả, hải sản, bột mỳ... từ xe hàng về bãi tập kết. Năm 2018, mức lương của nhóm nam giới này từ 4.000 - 4.500 Nhân dân tệ/tháng (khoảng 13.000.000 - 14.500.000 đồng). Tuy nhiên, họ thường chỉ làm 3-4 năm rồi chuyển sang công việc nhẹ nhàng hơn. *“Trong gia đình, nếu nam giới đã đi làm thuê ở Trung Quốc thì nữ giới ở nhà đảm nhiệm công việc nông nghiệp và chăm sóc gia đình hoặc tranh thủ làm thuê ở giáp biên giới để đi về hàng ngày, rất ít gia đình cả hai vợ chồng cùng đi làm bên Trung Quốc”* (Phỏng vấn ông Nguyễn Văn C., Bản Cẩu, xã Thanh Long, tháng 4/2022). Ở khu công nghiệp hoặc bãi hàng giáp biên, một số ít nữ giới làm công việc như bốc vác hàng dệt may, nhựa, hàng nông sản. Tại các bản Đon Chang, Bản Cẩu và một số bản trong xã Thanh Long, người Tày, Nùng sang các bến tàu, xe ở Bằng Tường để bốc vác cho các chủ hàng. Công việc này thu hút lao động từ 18-45 tuổi, những người có sức khỏe tốt và chịu được áp lực trong công việc. Họ bốc vác, vận chuyển hàng hóa từ trên các xe lạnh, xe container xuống các quầy hàng, kho hàng. Công việc này rất nặng nhọc và vất vả, song người lao động nhận được mức lương cao gấp 2 lần so với những việc làm nông nghiệp.

Mặc dù nơi làm việc cách nhà 15 km, nhưng họ thường ở lại nơi làm việc, khi gia đình có công việc cần giải quyết mới về.

Theo quan sát và thống kê của chúng tôi, những người ở độ tuổi từ 18-45 ở các thôn, xóm trong xã Bảo Lâm đều tham gia vào Hợp tác xã bốc dỡ, vận chuyển hàng hóa tại cửa khẩu Pò Nhùng. Năm 2006-2007, tại khu vực cửa khẩu Pò Nhùng thuộc xã Bảo Lâm hình thành Hợp tác xã bốc xếp hàng hóa với quy định rõ ràng về phạm vi, thời gian, giá cả, tiền công bốc dỡ. Mỗi thôn chia thành 2 tổ: chẵn và lẻ. Hàng ngày, các thôn trong xã Bảo Lâm đều có cư dân tham gia tổ bốc dỡ hàng hoá. Các loại hàng hóa bốc dỡ tại cửa khẩu Pò Nhùng gồm có hàng hoa quả tươi, hoa quả sấy khô như vải thiều, nhãn; bột mỳ, bột sắn, sắn tươi, thủy hải sản, thuốc đông y,... Mặc dù cùng tham gia vào công việc bốc dỡ hàng hóa nhưng người Nùng thường bốc dỡ cho các xe hàng thuốc đông y và tham gia nấu thuốc khi chủ hàng thuê. Công việc bốc dỡ chủ yếu vận chuyển hàng từ xe của chủ người Việt Nam sang xe của chủ hàng Trung Quốc. Các chủ hàng Việt Nam thuê khoán gọn cho Hợp tác xã. Sau đó, Hợp tác xã chia và phân phối đầu việc cho các tổ bốc dỡ do những nhóm trưởng ở các thôn, xóm trong xã đứng đầu. Tổ trưởng là người đứng lên nhận số lượng hàng và tiền công, bố trí công việc và phân chia tiền công cho các thành viên. Giá một lần chuyển hàng từ xe container 3-4 tấn sang xe lạnh được thanh toán từ 1.700 - 2.000 Nhân dân tệ/xe/năm 2018 (khoảng 5.500.000 - 6.500.000 đồng). Số tiền này được chia đều cho các thành viên trong tổ. Ngoài ra, năm 2014 ở thôn Pò Nhùng có 20 người đi bốc hàng ở cửa khẩu Ái Dầu, Trung Quốc (cạnh cửa khẩu Pò Nhùng). Những người này ở độ tuổi từ 20-35, có sức khỏe tốt và có sổ thông hành để đi lại.

### **3. Một số vấn đề đặt ra và sự dịch chuyển dòng di cư lao động xuyên biên giới ở tỉnh Lạng Sơn hiện nay**

Di cư lao động xuyên biên giới ở tỉnh Lạng Sơn có đóng góp quan trọng cho thu nhập của các hộ gia đình, nhất là các hộ gia đình người Tày, Nùng ở khu vực biên giới. Song, hiện tượng di cư lao động xuyên biên giới ở khu vực này cũng đặt ra một số vấn đề như sau:

- *Đối với người lao động:* Phần lớn lao động Tày, Nùng sang Trung Quốc làm các công việc trong nông nghiệp. Họ là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo nghề mà chủ yếu dựa trên kinh nghiệm truyền thống làm nông nghiệp. Mặc dù, lực lượng lao động này thành thạo và có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất nông nghiệp nhưng mức lương được trả thấp hơn so với các mức lương lao động khác. Có một số ít người Tày, Nùng tham gia vào hoạt động sản xuất tại các xưởng may và làm công nhân tại các khu công nghiệp, song số lượng lao động được qua đào tạo nghề còn rất ít. Mặc dù người di cư lao động xuyên biên giới có thu nhập cao hơn trong nước nhưng họ cũng gặp phải một số rủi ro và thách thức nhất định. Đối với lao động nữ, khi trở về có thể bị một số chủ quỵt tiền, chậm trả tiền công, hoặc bị trấn lột,... Nhiều người lao động đi sâu vào nội địa làm thuê từ một vài tháng đến một vài năm, khi trở về bị lực lượng chức năng Trung Quốc bắt giam với lý do vượt biên trái

phép hoặc di cư bất hợp pháp, hoặc gặp phải trộm cướp dọc đường. Nam giới khi di cư lao động cũng dễ mắc tệ nạn xã hội, nhất là nghiện hút hoặc tham gia vào đường dây vận chuyển, buôn bán ma túy và một số hàng lậu khác,... Ở một số thôn bản giáp biên giới của xã Thanh Long, xã Yên Khoái đã có một số trường hợp lao động di cư tham gia vào đường dây vận chuyển, buôn bán ma túy. Hơn nữa, việc di cư lao động cũng ảnh hưởng lớn tới chăm sóc con cái trong gia đình như học hành sa sút, mắc tệ nạn xã hội, bỏ học giữa chừng. Đây là những vấn đề cần quan tâm ở các địa phương vùng biên giới tỉnh Lạng Sơn.

- *Việc quản lý lao động*: Theo quy định, lao động sang Trung Quốc làm việc ở khu vực giáp biên giới phải làm giấy thông hành đối với lao động thời vụ, làm hộ chiếu khi đi làm ở các công ty và các công xưởng ở sâu trong nội địa Trung Quốc. Mặc dù các thủ tục làm sổ thông hành với cư dân ở các xã biên giới ngày càng gọn nhẹ, nhưng thời hạn còn ngắn nên có rất ít người lao động làm thủ tục này và sử dụng sổ thông hành khi sang Trung Quốc làm thuê. Hầu hết, cư dân các xã vùng biên giới sang Trung Quốc làm thuê đi theo đường mòn, lối mờ. Những lao động Tày, Nùng luôn tìm cách vượt qua sự kiểm soát của lực lượng tuần tra, quản lý biên giới bằng kinh nghiệm và kiến thức hiểu biết về địa hình của cư dân sống ở vùng biên giới. Đặc biệt, những người lao động sang Trung Quốc làm thuê chủ yếu là lao động tự do, không có đủ giấy tờ và không làm thủ tục đăng ký với chính quyền địa phương nơi đi và nơi đến. Chính vì vậy, trong suốt quá trình làm việc, người lao động luôn phải đề phòng và có thể bị các lực lượng chức năng Trung Quốc bắt giam. Đây cũng là lý do mà họ có thể bị thu giữ số tiền vất vả kiếm được trong suốt quá trình lao động nhọc nhằn, khiến họ trở nên “trắng tay” khi trở về.

- *Chính sách đối với người lao động ở vùng biên giới*: Trong những năm qua, ở tỉnh Lạng Sơn đã có Biên bản thỏa thuận giữa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lạng Sơn (Việt Nam) với Cục Tài nguyên Nhân lực và An sinh xã hội thành phố Sùng Tả, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) về “*Cơ chế hợp tác quản lý lao động qua biên giới*” ban hành năm 2017. Biên bản đã nêu ra những quy định của luật pháp hai Quốc gia về quản lý lao động qua biên giới, các quy định về quy trình tự làm thủ tục xuất cảnh qua biên giới sang khu vực thành phố Sùng Tả, Trung Quốc làm việc. Từ quy định này, một số cư dân biên giới đã đăng ký lao động theo kênh chính thống qua các đơn vị có tư cách pháp nhân trong tuyển dụng lao động, quyền lợi của người lao động được bảo đảm khi đi lao động có giấy tờ hợp pháp. Tuy nhiên, việc cấp phép tạm trú có thời hạn 1 tháng cho lao động Việt Nam của công an thành phố Sùng Tả, Quảng Tây, Trung Quốc là trở ngại gây khó khăn, tốn kém đi lại nhiều lần làm thủ tục nhập cảnh, ảnh hưởng đến tâm lý của người lao động, khiến họ không an tâm làm việc lâu dài tại các nông trại, công xưởng.

Từ khi đại dịch COVID-19 xuất hiện và bùng phát, dọc khu vực biên giới tỉnh Lạng Sơn, hệ thống hàng rào thép gai đã được xây dựng gấp rút để kiểm soát và ngăn chặn dòng người di cư tự do qua biên giới. Với sự kiểm soát chặt chẽ của lực lượng chức năng, cư dân

vùng biên giới đã có sự chuyển đổi trong nhận thức và lựa chọn việc làm. Từ những kinh nghiệm học hỏi qua quá trình đi làm thuê bên Trung Quốc, người Tày, Nùng ở 3 xã Thanh Long, Bảo Lâm và Yên Khoái đều tập trung phát triển nông nghiệp, đặc biệt là tận dụng diện tích đất rừng và đất bỏ hoang để phát triển kinh tế rừng, vườn rừng, vườn đồi và các mô hình chuyên canh cây ăn quả. Bên cạnh đó, những lao động Tày, Nùng có trình độ Trung học phổ thông trở lên đã từng lao động trong các công xưởng, nhà máy ở Trung Quốc tìm đến làm việc tại các công ty ở các tỉnh lân cận. Hầu hết, những người trong độ tuổi lao động từ 18-55 đã đến làm công nhân tại các khu công nghiệp ở Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên,... Bên cạnh đó, những người ở độ tuổi từ 40-55, không đáp ứng điều kiện tuyển dụng lao động có trình độ tay nghề của các công ty, cũng đến các khu công nghiệp trên làm dịch vụ như nấu ăn, dọn vệ sinh, xe ôm, bốc vác. Những người di cư lao động tại các khu công nghiệp thường ở ngay tại nhà máy hoặc thuê nhà trọ gần nơi làm việc, mỗi tháng họ có thể về thăm nhà một vài lần. Khi gia đình có việc gấp, họ có thể trở về ngay để giải quyết công việc, vì nơi làm việc cũng chỉ cách nhà khoảng 60-70 km. Nguồn thu nhập của những công nhân này trung bình từ 6-8 triệu đồng/tháng. Ngoài ra, thời gian tăng ca họ có thêm thu nhập từ 2-3 triệu/tháng. Khi di cư lao động ở trong nước, hiện tượng cả vợ và chồng cùng đi phổ biến hơn. Tổng thu nhập của mỗi cặp vợ chồng công nhân ở các khu công nghiệp trung bình từ 15-17 triệu đồng/tháng. Số tiền tiết kiệm được gửi về cho gia đình hoặc tích góp cho các khoản chi tiêu lớn. Theo lời kể của chị Vi Thị Ng. 38 tuổi, thôn Đôn Chang, từ năm 2020 đến nay, vợ chồng chị làm việc tại công ty Sam Sung tại khu công nghiệp Vân Trung (tỉnh Bắc Giang), thu nhập hàng tháng ổn định và tiết kiệm được 320 triệu đồng, số tiền này để dùng vào việc làm nhà dự kiến vào năm 2023 (Phỏng vấn tháng 4/2022). Một số hộ gia đình có điều kiện về đất đai và vốn đã phát triển mô hình vườn rừng, vườn cây ăn quả mang lại hiệu quả kinh tế cao và giải quyết nguồn lao động tại địa phương. Như hộ gia đình ông Hoàng Văn H., thôn Chi Ma, xã Yên Khoái là mô hình trồng quýt không hạt tiêu biểu ở huyện Lộc Bình; với 500 cây quýt không hạt (mua giống tại cơ sở ươm cây giống ở huyện Ninh Minh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc) trồng trên diện tích 2,5 ha đất rừng từ năm 2016; mỗi năm thu hoạch từ 7-10 tấn; giá bán từ 30-35 nghìn đồng/kg (thương lái đến tận vườn thu mua); thời điểm thu hoạch hoặc lúc chăm bón thuê từ 5-7 lao động tại địa phương. Sự chuyển dịch dòng di cư từ di cư lao động xuyên biên giới sang di cư nội địa và phát triển những mô hình sinh kế mới tại địa phương cho thấy đây là những hướng đi khả thi và nhiều tiềm năng.

### **Kết luận**

Di cư lao động xuyên biên giới là một hiện tượng có tính lịch sử, diễn ra với các hình thức và quy mô khác nhau, đồng thời có những tác động trực tiếp và lâu dài đối với sự ổn định xã hội ở vùng biên giới. Di cư lao động xuyên biên giới của người Tày, Nùng ở tỉnh Lạng Sơn đã diễn ra theo cả hình thức di cư con lắt, di cư theo mùa vụ và di cư trong thời

gian dài. Đa số người Tày, Nùng ở khu vực biên giới thường sang Trung Quốc làm các công việc theo thời vụ. Trong khi phần lớn phụ nữ trung niên Tày, Nùng lựa chọn các công việc lao động trong nông nghiệp ở khu vực giáp biên giới Trung Quốc, thì nam giới trong độ tuổi này lại lựa chọn những công việc nặng nhọc, vất vả ở các cửa khẩu, công xưởng, nhà máy. Những lao động trẻ người Tày, Nùng nhờ mạng lưới quan hệ xã hội di cư sâu vào nội địa Trung Quốc làm việc tại các công xưởng, nhà máy với mức lương cao hơn. Nguồn thu nhập từ di cư lao động đóng vai trò quan trọng trong nguồn thu nhập của hộ gia đình người Tày, Nùng ở vùng biên giới tỉnh Lạng Sơn. Di cư lao động xuyên biên giới giúp cho người Tày, Nùng có thêm việc làm và tăng thu nhập, cải thiện đời sống kinh tế hộ gia đình, qua đó góp phần xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn vùng biên giới. Tuy nhiên, người di cư lao động sang Trung Quốc cũng gặp nhiều rủi ro, đặt ra những vấn đề về quản lý xã hội và an ninh chính trị vùng biên.

Kể từ khi dịch COVID-19 bùng phát và Trung Quốc xây dựng hàng rào biên giới, dòng người di cư xuyên biên giới đã có sự chuyển hướng đi đến các khu công nghiệp tại các tỉnh lân cận. Người Tày, Nùng ở địa bàn nghiên cứu đã nhanh chóng chuyển đổi sinh kế để ổn định và phát triển kinh tế hộ gia đình trong bối cảnh mới. Tuy nhiên, những áp lực về thu nhập và việc làm ở địa phương khiến một bộ phận lớn lao động phải di cư tìm việc làm vẫn đặt ra yêu cầu cần có những giải pháp phát triển hơn nữa kinh tế nông - lâm nghiệp và công nghiệp, dịch vụ ở vùng miền núi và biên giới, nhằm giải quyết việc làm tại địa phương, tạo sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội cho đồng bào các TNTS nơi đây.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Văn Chính (2021), *Di cư, đói nghèo và phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Trương Văn Cường (2021), “Vai trò mạng lưới xã hội trong lao động làm thuê xuyên biên giới của người Nùng ở Cao Bằng và Lạng Sơn”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 65-76.
3. Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh (Đồng Chủ biên, 2013), *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Vũ Trường Giang (2018), *Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
5. Hickerson, Donald (2013), *The Cross-Border Migrant Experience in Lang Son Province, Northern Viet Nam*, Master thesis, The University of Western Ontario.
6. Nguyễn Song (2017), “Nghiên cứu trường hợp lao động nam di cư xuyên biên giới Việt - Trung: Động năng, trải nghiệm và các vấn đề về sức khỏe”, Luận văn thạc sỹ, Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Lý Hành Sơn (2014), “Quan hệ xuyên biên giới trong hoạt động kinh tế ở một số tộc người vùng miền núi phía Bắc”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 25-37.

8. Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan (Đồng chủ biên, 2017), *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam: Nghiên cứu tại vùng miền núi phía Bắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

9. Phan Tân, Trần Thị Thanh Giang (2019), “Di cư lao động sang Trung Quốc của người dân khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam - nguyên nhân nhìn từ quan điểm di cư quốc tế”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 6, tr. 29-36.

10. Hoàng Thị Lê Thảo (2021), *Chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ các dân tộc Tày, Nùng ở huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn trong lao động xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

11. Lương Thị Trang (2017), *Di cư lao động xuyên biên giới của người Ngái ở Lục Ngạn, Bắc Giang*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn (2022), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn 6 tháng đầu năm 2022*, Lạng Sơn, tháng 6/2022.

13. Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng (2022), *Biểu tổng hợp người lao động trên địa bàn đang làm việc ở nước ngoài* (số liệu rà soát đến ngày 07/1/2022), Văn Lãng, tháng 4/2022.



Người Tày và người Nùng tham gia vận chuyển hàng hóa tại cửa khẩu Chi Ma, xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn

Ảnh: Tạ Thị Tâm, chụp tháng 12/2018.